

Ngày 27 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	997	465	304	228
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	60.58%	44.09%	61.84%	92.54%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	24.87%	30.54%	29.28%	7.46%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	8.53%	14.62%	5.59%	0.00%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	6.02%	10.75%	3.29%	0.00%
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	997	465	304	228
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	5.42%	0.43%	3.29%	18.42%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	47.74%	28.17%	56.25%	76.32%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	42.33%	63.87%	37.17%	5.26%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	4.51%	7.53%	3.29%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	997	465	304	228
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	92.18%	87.10%	94.08%	100.00%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	0.10%	0.00%	0.00%	0.44%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	5.32%	0.43%	3.29%	17.98%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.91%	2.15%	2.96%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	7.82%	12.90%	5.92%	0.00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học/bảo lưu (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	5.78%	10.48%	1.88%	0.82%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	3	1	1	1
1	Cấp tỉnh/ thành phố	3	1	1	1
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	227	0	0	227
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0	0	0	0
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nữ	333	135	124	74
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	468	219	150	99

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình